

PHỤ LỤC V
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT LÂM NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất		
		Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
I	Thành phố Đồng Xoài			
1	Phường Tiến Thành	1,01		
2	Xã Tân Thành	1,01		
3	Xã Tiến Hưng	1,01		
II	Thị xã Phước Long			
1	Xã Phước Tín	1,00		
2	Xã Long Giang	1,00		
III	Huyện Bù Gia Mập			
1	Xã Phú Nghĩa	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đắc Ở	1,00	1,00	1,00
3	Xã Bù Gia Mập	1,00	1,00	1,00
4	Xã Phú Văn	1,08	1,15	1,00
IV	Huyện Lộc Ninh			
1	Xã Lộc Hòa	1,00	1,00	1,00
2	Xã Lộc An	1,00	1,00	1,00
3	Xã Lộc Tấn	1,00	1,00	1,00
4	Xã Lộc Thạnh	1,00	1,00	1,00
5	Xã Lộc Hiệp	1,00	1,00	1,00
6	Xã Lộc Thiện	1,00	1,00	1,00
7	Xã Lộc Thuận	1,00	1,00	1,00
8	Xã Lộc Quang	1,00	1,00	1,00
9	Xã Lộc Phú	1,00	1,00	1,00
10	Xã Lộc Thành	1,00	1,00	1,00
11	Xã Lộc Thái	1,00	1,00	1,00
12	Xã Lộc Điền	1,00	1,00	1,00
13	Xã Lộc Hưng	1,00	1,00	1,00
14	Xã Lộc Thịnh	1,00	1,00	1,00
15	Xã Lộc Khánh	1,00	1,00	1,00
V	Huyện Bù Đốp			
1	Xã Hưng Phước	1,20	1,20	1,20
2	Xã Phước Thiện	1,20	1,20	1,20

STT	Đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất		
		Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
3	Xã Thiện Hưng	1,20	1,20	1,20
4	Xã Thanh Hòa	1,20	1,20	1,20
5	Xã Tân Thành	1,20	1,20	1,20
6	Xã Tân Tiến	1,20	1,20	1,20
VI	Huyện Hớn Quản			
1	Xã Minh Đức	1,00	1,00	1,00
2	Xã Minh Tâm	1,00	1,00	1,00
3	Xã Đồng Nơ	1,00	1,00	1,00
4	Xã Tân Hiệp	1,10	1,00	1,00
VII	Huyện Đồng Phú			
1	Xã Đồng Tâm	1,16		
2	Xã Tân Phước	1,59		
3	Xã Tân Hưng	1,14		
4	Xã Tân Lợi	1,14		
5	Xã Tân Lập	1,05		
6	Xã Tân Hòa	1,25		
7	Xã Đồng Tiến	1,04		
VIII	Huyện Bù Đăng			
1	Xã Nghĩa Trung	1,00	1,00	1,00
2	Xã Đức Liễu	1,00	1,00	1,00
3	Xã Minh Hưng	1,00	1,00	1,00
4	Xã Bom Bo	1,00	1,00	1,00
5	Xã Thọ Sơn	1,00	1,00	1,00
6	Xã Đoàn Kết	1,00	1,00	1,00
7	Xã Thống Nhất	1,00	1,00	1,00
8	Xã Bình Minh	1,00	1,00	1,00
9	Xã Đồng Nai	1,00	1,00	1,00
10	Xã Đường 10	1,00	1,00	1,00
11	Xã Phước Sơn	1,00	1,00	1,00
12	Xã Đăng Hà	1,30	1,30	1,30
13	Xã Đắk Nheu	1,00	1,00	1,00
14	Xã Nghĩa Bình	1,00	1,00	1,00